

## MỐI QUAN HỆ GIỮA CƠ CẤU DÂN SỐ THEO TUỔI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH TIỀN GIANG

HUỲNH PHẨM DŨNG PHÁT\*, PHẠM ĐỖ VĂN TRUNG\*, VŨ ĐÌNH CHIẾN\*\*

### TÓM TẮT

*Cơ cấu dân số theo tuổi của tỉnh Tiền Giang đã có sự chuyển biến mạnh mẽ và chuyển sang cơ cấu dân số vàng. Sự biến đổi này sẽ tác động sâu sắc đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian tới. Mỗi nhóm tuổi có một đặc trưng về mức độ tham gia lực lượng lao động, tỉ lệ thất nghiệp... Dựa trên những đặc điểm về cơ cấu dân số, đánh giá khả năng tạo ra việc làm từ tăng trưởng GDP sẽ giúp các nhà quản lí có thể đưa ra những giải pháp điều chỉnh nhằm khai thác triệt để lợi tức mà dân số mang lại cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.*

**Từ khóa:** cơ cấu dân số theo tuổi, cơ cấu dân số vàng, tỉ lệ tham gia lực lượng lao động, tỉ lệ thất nghiệp, độ co giãn việc làm theo GDP.

### ABSTRACT

#### *The relation population age structure and eco-social development in Tien Giang Province*

*Population age structure in Tien Giang province was changing strongly toward a demographic bonus. This change will affect the province's eco-social development profoundly in near future. Each age group has its own features of labor force participation rate, unemployment rate... Based on features of the population structure, assessing employment possibility from GDP will assists officials in issuing adjustment policies to exploit the benefits that the population can bring to the eco-social development of the province.*

**Keywords:** Population age structure, demographic bonus, labor force participation rate, unemployment rate, the elasticity of employment with respect to economic growth.

### 1. Đặt vấn đề

Cho đến nay, lịch sử nghiên cứu dân số học đã có ít nhất ba quan điểm về mối liên hệ giữa dân số và tăng trưởng kinh tế với những lí luận và bằng chứng khác nhau: lí thuyết dân số học “bi quan” với lập luận chủ yếu là tăng dân số tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế; lí thuyết dân số học “lạc quan” lại cho rằng tăng dân số có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế và lí thuyết dân số học

“trung tính” cho rằng dân số tác động đến tăng trưởng kinh tế theo chiều hướng tích cực hay tiêu cực còn tùy thuộc nhiều điều kiện khác [5]. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chủ yếu xem xét mối liên hệ giữa dân số và tăng trưởng kinh tế thông qua hai nhân tố chính là quy mô dân số và tốc độ gia tăng dân số, chưa đề cập một cấu thành hết sức quan trọng đó là cơ cấu tuổi của dân số.

Tiền Giang là tỉnh có quy mô dân số đông, cơ cấu dân số trẻ nhưng cũng đang bắt đầu chuyển sang thời kì già hóa.

\* NCS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

\*\* SV, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

Bài viết bước đầu nghiên cứu về mối quan hệ giữa cơ cấu dân số theo tuổi và phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang giai đoạn 1999 - 2009.

**2. Mối quan hệ giữa cơ cấu dân số**

*Bảng 1. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi tỉnh Tiền Giang giai đoạn 1999 – 2009*

Đơn vị: %

Nhóm tuổi	0 – 14 tuổi	15 – 59 tuổi	Trên 60 tuổi
<b>1999</b>	29,9	62,1	8,0
<b>2009</b>	24,1	66,4	9,5

Nguồn: [3], [9]

Bảng 1 cho thấy cơ cấu dân số theo tuổi tỉnh Tiền Giang mang đặc điểm cơ cấu trẻ với tỉ trọng người trên 60 tuổi thấp hơn mức 10%. Tuy nhiên, cơ cấu dân số theo tuổi tỉnh Tiền Giang đang biến đổi theo xu hướng già hóa, biểu hiện ở tỉ trọng dân số trong nhóm 0 – 14 tuổi giảm 5,8% từ 29,9% năm 1999 xuống còn 24,1% năm 2009 (dưới mức 25%). Trong khi đó, tỉ trọng của nhóm 15 – 59 tuổi và nhóm trên 60 tuổi lại tăng lên. Tỉ trọng nhóm 15 – 59 tuổi tăng 4,3% từ 62,1% lên 66,4% và tỉ trọng nhóm trên

**theo tuổi và phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang**

**2.1. Cơ cấu dân số theo tuổi tỉnh Tiền Giang giai đoạn 1999 – 2009 (xem bảng 1)**

60 tuổi chỉ tăng 1,5% (từ 8% lên 9,5%) trong khoảng thời gian tương ứng.

Chỉ số già hóa cũng tăng lên mạnh mẽ từ 26,8% năm 1999 lên 39,8% năm 2009, tăng 13,0%. Chỉ số già hóa của tỉnh Tiền Giang năm 2009 cao hơn mức bình quân của vùng Đồng bằng sông Cửu Long là 34,6% và cả nước là 35,5% [10]. Qua đó, có thể thấy quá trình già hóa của dân số tỉnh Tiền Giang đang diễn ra khá nhanh và cơ cấu dân số theo độ tuổi của tỉnh tuy thuộc cơ cấu trẻ nhưng đang có xu hướng già hóa.

*Bảng 2. Tỉ số dân số phụ thuộc tỉnh Tiền Giang giai đoạn 1999 – 2009*

Đơn vị: %

	Tỉ số phụ thuộc trẻ	Tỉ số phụ thuộc già	Tỉ số phụ thuộc chung
<b>1999</b>	46,6	9,1	55,7
<b>2009</b>	34,9	10,2	45,2

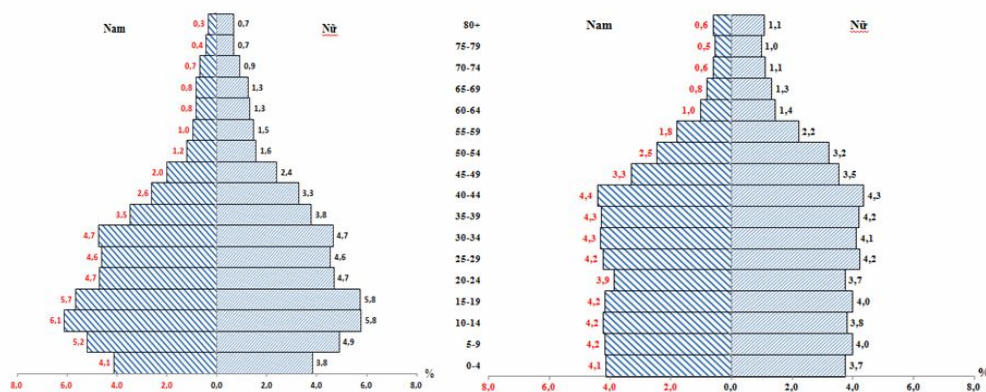
Nguồn: [10]

Tỉ số phụ thuộc chung của dân số tỉnh Tiền Giang giai đoạn 1999 – 2009 giảm khá nhanh và đi vào giai đoạn cơ cấu dân số vàng [7]. Bảng 2 cho thấy tỉ số dân số phụ thuộc chung giảm 10,5% (từ 55,7% năm 1999 xuống chỉ còn 45,2% năm 2009). Trong đó, tỉ số phụ

thuộc trẻ giảm mạnh, từ 46,6% năm 1999 xuống còn 34,9% năm 2009. Tỉ số phụ thuộc già tăng nhẹ từ 9,1% năm 1999 lên 10,2% năm 2009. Có thể nói, tỉnh Tiền Giang đã chính thức bước vào thời kì cơ cấu dân số vàng, mở ra cơ hội thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Vấn đề đặt ra là tỉnh cần có những kế hoạch cụ thể để đón đầu và tận dụng tốt nhất những lợi tức do cơ cấu dân số vàng

mang lại. Trong đó, tỉnh cần tập trung các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nghề... [7]



Nguồn: [3], [9]

**Hình 1.** Tháp dân số tỉnh Tiền Giang năm 1999 và 2009

Hai tháp dân số tỉnh Tiền Giang năm 1999 và năm 2009 thể hiện rõ sự biến đổi trong cơ cấu dân số theo tuổi của tỉnh. Hình dạng tháp tuổi thay đổi từ kiểu mở rộng chuyển sang kiểu thu hẹp. So với năm 1999 tháp dân số năm 2009 có tỉ trọng người dưới 35 tuổi giảm xuống và người từ 35 tuổi trở lên tăng làm cho hình dáng tháp tuổi có sự đồng đều hơn giữa các nhóm từ 0 đến 44 tuổi, nhưng từ độ

tuổi 50 trở lên giảm mạnh làm cho ngọn tháp ở đoạn này co nhanh hơn so với năm 1999. Chân tháp ngày càng thu hẹp do tỉ lệ sinh giảm xuống hàng năm. Hình dáng của tháp tuổi cho thấy dân số tỉnh Tiền Giang đang chuyển dần sang mô hình dân số già.

**2.2. Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang giai đoạn 1999 – 2009**

**2.2.1. Về kinh tế (xem bảng 3)**

**Bảng 3.** Tốc độ tăng trưởng GDP và GDP/người tỉnh Tiền Giang giai đoạn 1999 – 2009

Đơn vị: %

	1999	2003	2007	2009
<b>Tốc độ tăng trưởng GDP</b>	6,8	9,2	13,0	9,2
<b>Tốc độ tăng trưởng GDP/người</b>	6,5	9,1	12,6	8,1

Nguồn: Xử lí từ [2], [4]

Trong giai đoạn 1999 – 2009, kinh tế tỉnh Tiền Giang luôn đạt tốc độ tăng trưởng GDP ở mức cao, bình quân đạt 9,5%/năm, có năm đạt trên 10%. Năm 1999, tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6,8%,

đến năm 2003 đạt 9,2%, năm 2007 đã tăng lên 13,0% và những năm sau khủng hoảng kinh tế vẫn duy trì mức tăng cao (năm 2009 là 9,2%).

GDP bình quân đầu người cũng có

tốc độ tăng trưởng cao dựa trên tốc độ tăng trưởng GDP cao và quy mô dân số ổn định. Năm 1999 tốc độ tăng trưởng GDP/người đạt 6,5%, năm 2003 tăng lên 9,1%, năm 2007 đạt 12,6%, và đến năm 2009, tuy có giảm xuống nhưng vẫn duy trì ở mức cao là 8,1%.

Mặc dù là tỉnh nông nghiệp nhưng khu vực nông - lâm - ngư nghiệp vẫn còn gặp nhiều khó khăn do tác động bất lợi của giá cả các mặt hàng nông sản, thủy sản, làm ảnh hưởng đến việc tiêu thụ hàng hóa và xuất khẩu; các dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi nên tốc độ tăng trưởng thấp. Trong mười năm qua, tốc độ

tăng trưởng bình quân hàng năm khu vực này chỉ là 5,3%/năm, thấp nhất trong các ngành kinh tế. Khu vực dịch vụ, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm chưa tương xứng với tiềm năng, chỉ đạt khoảng 11,6%/năm. Khu vực công nghiệp và xây dựng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 18,2%/năm. Mức tăng trưởng trong khu vực này chủ yếu là do ngành công nghiệp chế biến, với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 21,6%/năm và chiếm trên 72,1% giá trị sản xuất ngành công nghiệp, giữ vai trò quyết định. [2], [4]

2.2.2. Về xã hội (xem bảng 4)

**Bảng 4.** Tốc độ tăng việc làm, tỉ lệ tham gia lực lượng lao động và tỉ lệ thất nghiệp của tỉnh Tiền Giang giai đoạn 1999 – 2009

Đơn vị: %

	Tốc độ tăng việc làm	Tỉ lệ tham gia lực lượng lao động	Tỉ lệ thất nghiệp
<b>1999</b>	2,2	84,2	3,7
<b>2009</b>	2,4	85,9	3,5

Nguồn: Xử lý từ [3], [9]

Bảng 4 cho thấy, trong cả giai đoạn 1999 – 2009, tốc độ tăng việc làm tỉnh Tiền Giang tương đối thấp từ 2,2% năm 1999 lên 2,4% năm 2009 và có sự biến động lớn, cao nhất vào năm 2000 (7,4%) và thấp nhất vào năm 2007 (0,4%). Tốc độ tăng trưởng GDP và tốc độ tăng việc làm tỉnh Tiền Giang có sự khác biệt rất lớn khi GDP tăng khá nhanh, ổn định thì việc làm lại tăng giảm thất thường và chậm. Điều này cho thấy tăng trưởng kinh tế của tỉnh chủ yếu là do tăng trưởng nguồn vốn và một phần là do khoa học công nghệ, chưa gắn với tăng trưởng việc làm. Chính vì vậy mà tỉ lệ thất nghiệp của

tỉnh chưa có sự cải thiện đáng kể, vẫn giữ mức tương đối cao là 3,5%, chỉ giảm được 0,2% trong mười năm.

Nguyên nhân làm cho tốc độ tăng việc làm diễn biến thất thường và tăng trưởng thấp xuất phát từ sự chuyển dịch cơ cấu GDP của tỉnh còn chậm. Khu vực nông - lâm - ngư nghiệp còn chiếm tỉ trọng khá lớn trong cơ cấu GDP (năm 2009 là 37,1% [4]) trong khi đây lại là khu vực ít có khả năng tạo thêm việc làm. Đồng thời, việc làm trong khu vực này cũng mang tính thời vụ và không ổn định. Có thể đây là nguyên nhân quan trọng làm cho tốc độ tăng việc làm của tỉnh

chưa tương quan với tốc độ tăng GDP. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của tỉnh cũng chỉ tăng nhẹ từ 84,2% năm 1999 lên 85,9% năm 2009 và có sự khác biệt theo từng nhóm tuổi.

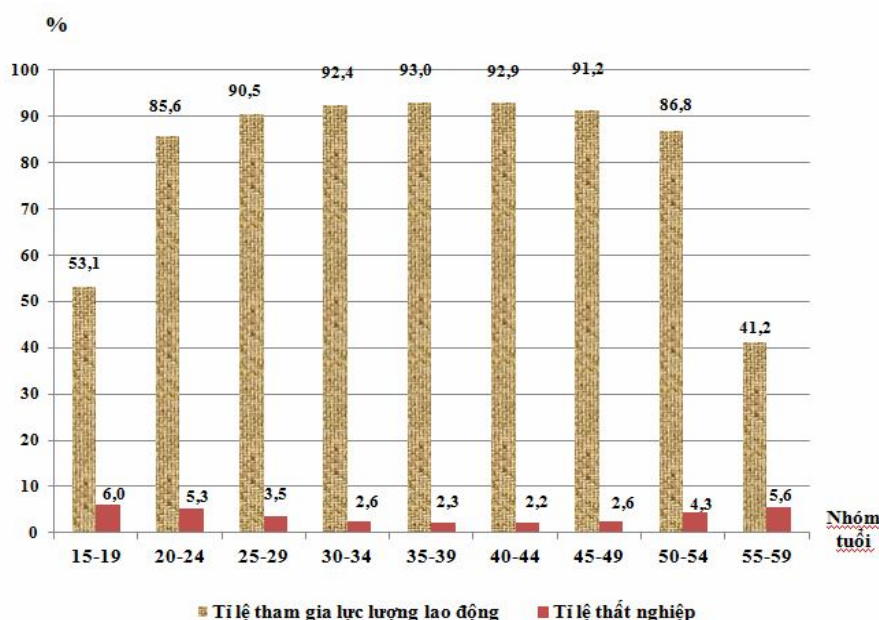
**2.3. Mối quan hệ giữa cơ cấu dân số theo tuổi và phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang**

Bước đầu nghiên cứu về mối quan hệ giữa cơ cấu dân số theo tuổi và phát

triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang, chúng tôi lựa chọn hai tiêu chí sau đây:

(i) Mỗi độ tuổi có những đặc trưng riêng về sức khỏe, trình độ, kinh nghiệm lao động... Các yếu tố đó quyết định đến khả năng lao động của từng độ tuổi thông qua hai chỉ số là *tỷ lệ tham gia lực lượng lao động* và *tỷ lệ thất nghiệp theo nhóm tuổi* [1].

**Biểu đồ 2. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động và tỷ lệ thất nghiệp phân theo độ tuổi của tỉnh Tiền Giang năm 2009**



*Nguồn: Xử lý từ [3]*

Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động tỉnh Tiền Giang có sự khác biệt theo độ tuổi như thể hiện ở biểu đồ 2, đạt cao nhất từ độ tuổi 20 đến 54 (đặc biệt là độ tuổi từ 25 – 49, tỷ lệ trên 90%) và thấp nhất là độ tuổi 55 – 59 (đạt 41,2%) và 15 – 19 tuổi (đạt 53,1%). Độ tuổi 15 – 19 tuổi có tỷ lệ tham gia lực lượng lao động thấp do đây là nhóm tuổi mà dân số còn

trong độ tuổi đi học. Độ tuổi từ 25 – 49 có tỷ lệ tham gia lực lượng lao động cao nhất vì đây là độ tuổi đã hoàn thành các chương trình đào tạo và sẵn sàng tham gia lực lượng lao động.

Tỷ lệ thất nghiệp cũng có sự khác biệt theo độ tuổi, các nhóm có tỷ lệ cao gồm nhóm 15 – 19 tuổi (6,0%), nhóm 55 – 59 tuổi (5,6%) và nhóm 20 – 24 tuổi

(5,3%). Độ tuổi từ 25 đến 54 tuổi có tỉ lệ thất nghiệp thấp hơn, dao động từ 2% đến 4%. Độ tuổi 15 – 19 có tỉ lệ thất nghiệp cao nhất, vì đây là độ tuổi mới bước vào tuổi lao động, chưa được trang bị trình độ chuyên môn nên cơ hội tìm được việc làm là thấp nhất.

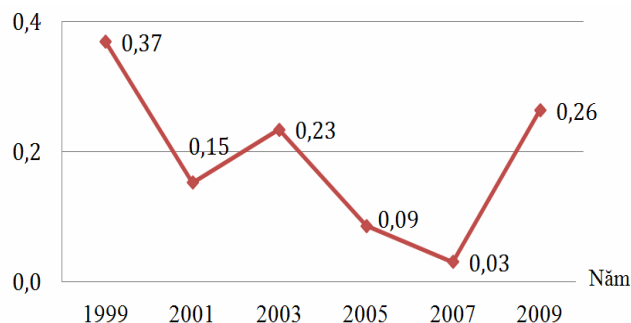
Điều đáng lưu ý đó là nhóm dân số 20 – 24 tuổi có tỉ lệ tham gia lực lượng lao động tương đối cao, đạt 85,6% năm 2009, nhưng tỉ lệ thất nghiệp cũng nằm trong nhóm cao là 5,3% trong thời gian tương ứng. Đây là độ tuổi về lí thuyết đã hoàn thành các chương trình đào tạo cao đẳng, đại học nhưng tỉ lệ thất nghiệp của nhóm tuổi này khá cao, do người ở độ tuổi này trong thời gian đầu mới ra trường, chưa kiếm được việc làm hoặc đang tìm cơ hội học tập ở trình độ cao hơn. Bên cạnh đó, lao động trình độ cao lại có xu hướng di cư sang địa phương khác, phần lớn lao động còn lại của tỉnh

thì trình độ còn nhiều hạn chế, chủ yếu là lao động chưa qua đào tạo hoặc chỉ có trình độ sơ cấp [8]. Vì vậy, tỉnh cần phải có những chính sách hợp lí trong việc nâng cao trình độ lao động, đặc biệt là đối với nhóm lao động trong nhóm tuổi trẻ, có chính sách thu hút chất xám, tạo cơ hội việc làm cho nguồn lao động trong độ tuổi này.

(ii) Để đánh giá tác động của cơ cấu tuổi đến phát triển kinh tế - xã hội, có thể sử dụng chỉ số *độ co giãn của việc làm theo tổng GDP* [1], [6].

Tỉnh Tiền Giang đã đi vào giai đoạn cơ cấu dân số vàng, khi mà nguồn lao động tăng đột biến thì sự phát triển kinh tế phải đáp ứng nhu cầu việc làm cho nguồn lao động đó để tận dụng được những cơ hội do dân số vàng mang lại. Hay nói cách khác, tăng trưởng kinh tế cần hướng vào tạo thêm công ăn việc làm.

**Biểu đồ 3.** *Độ co giãn việc làm theo GDP tỉnh Tiền Giang giai đoạn 1999 – 2009*



*Nguồn: Xử lí từ [2], [4]*

Biểu đồ 3 cho thấy độ co giãn việc làm thực tế qua các năm luôn biến động và đều thấp hơn độ co giãn việc làm trung bình của cả nước (độ co giãn việc

làm cả nước năm 2009 là 0,4 [1]). Qua đó, có thể nhận thấy, tăng trưởng kinh tế của tỉnh chưa đi đôi với tăng trưởng việc làm.

So với tốc độ tăng nguồn lao động trung bình của giai đoạn 1999 – 2009 là 1,3%/năm thì tốc độ tăng việc làm của tỉnh Tiền Giang không ổn định, có những năm thấp hơn rất nhiều lần như năm 2001 (chỉ tăng 0,9%), năm 2007 (chỉ có 0,4%), tức là nền kinh tế vẫn chưa đáp ứng nhu cầu việc làm cho nguồn lao động mới tăng thêm. Đặc biệt, trong những năm tới, thách thức sẽ càng gia tăng khi cơ cấu dân số theo tuổi của tỉnh đã đi sâu vào cơ cấu dân số vàng, dẫn đến nguồn lao động sẽ còn tăng nhanh hơn nữa.

Nguyên nhân làm cho mức độ tăng trưởng GDP tạo ra việc làm của tỉnh Tiền Giang còn thấp là do cơ cấu kinh tế của tỉnh còn chưa hợp lý và chuyển dịch chậm. Số lao động trong khu vực nông - lâm - ngư nghiệp ngày càng được giải phóng nhiều hơn do áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Trong khi đó, khu vực công nghiệp chỉ chiếm tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu và chưa phát triển mạnh, dẫn đến khả năng tạo thêm việc làm cũng như khả năng tiếp nhận lao động từ khu vực nông - lâm - ngư nghiệp chuyển sang còn hạn chế.

Nếu không cải thiện độ co giãn việc làm theo GDP, không có chiến lược tăng trưởng hướng vào tạo thêm việc làm thì tỉnh Tiền Giang sẽ không thể tận dụng được nguồn lao động dồi dào do cơ cấu dân số vàng mang lại mà sẽ phải đối mặt với tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm,

tỉ lệ xuất cư ở mức cao... Chính vì thế, tỉnh cần phải đề ra biện pháp để tăng trưởng kinh tế đi đôi với tăng trưởng việc làm. Trong đó, biện pháp chủ chốt là đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, tăng cường thu hút đầu tư, có chính sách đào tạo, nâng cao trình độ lao động để tạo thêm nhiều việc làm và tận dụng triệt để nguồn lao động dồi dào của tỉnh.

### 3. Kết luận

Có thể thấy rằng, cơ cấu dân số theo tuổi mang lại rất nhiều lợi tức cho tỉnh Tiền Giang, đó là một nguồn lao động dồi dào cùng với tỉ lệ dân số tham gia lực lượng lao động tương đối cao. Tuy nhiên, những lợi tức dân số đó vẫn chưa được khai thác một cách hiệu quả nhất. Tốc độ tăng trưởng GDP vẫn chưa đi đôi với tăng trưởng việc làm, biểu hiện qua độ co giãn việc làm theo GDP qua các năm vẫn còn thấp dưới mức trung bình của cả nước và thấp hơn rất nhiều so với tốc độ tăng trưởng của nguồn lao động. Vì thế, trong những năm tới, tỉnh cần phải áp dụng những chính sách để cụ thể hóa lợi tức dân số thành lợi tức kinh tế, thúc đẩy tốc độ tăng trưởng GDP và GDP/người của tỉnh tăng nhanh hơn nữa. Trong đó, vấn đề mấu chốt là tạo sự bền vững trong tăng trưởng GDP đi đôi với tăng trưởng việc làm, đề ra những chính sách đón đầu và tận dụng cơ hội “vàng” do cơ cấu vàng của dân số mang lại.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội – ILO (2010), *Xu hướng việc làm Việt Nam 2010*, Hà Nội.
2. Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang (2004), *Niên giám thống kê 2003*, Mỹ Tho.
3. Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang (2010), *Dân số Tiền Giang qua số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009*, Mỹ Tho.
4. Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang (2011), *Niên giám thống kê 2010*, Mỹ Tho.
5. Giang Thanh Long, Bùi Thế Cường (2010), *Cơ cấu dân số vàng ở Việt Nam: Cơ hội, thách thức và các khuyến nghị chính sách*, dự án VNM7PG0009, Hà Nội.
6. Ngân hàng Thế giới (2012), *Đánh giá giới tại Việt Nam*, Trung tâm thông tin phát triển Việt Nam.
7. Huỳnh Phẩm Dũng Phát (2011), “Cơ hội và thách thức từ ‘cơ cấu dân số vàng’ đối với giáo dục phổ thông tỉnh Tiền Giang”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TPHCM*, (29).
8. Huỳnh Phẩm Dũng Phát (2012), “Sự chuyển dịch cơ cấu lao động tỉnh Tiền Giang giai đoạn 1995 – 2010”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TPHCM*, (41).
9. Tổng cục Thống kê (2000), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 1999* (đĩa CD).
10. Tổng cục Thống kê (2011), *Cấu trúc tuổi – giới tính và tình trạng hôn nhân của dân số Việt Nam*, Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009, Nxb Thống kê.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 03-4-2013; ngày phản biện đánh giá: 25-4-2013;  
ngày chấp nhận đăng: 24-5-2013)